



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thanh Hoa Environment and Natural Resources Department

Địa chỉ: 14 Hạc Thành, P Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 02376.256.168; Fax: 02376.256.157

PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN

(Phục vụ xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020)

(Cơ quan phỏng vấn: Dành cho UBND các huyện/thành phố/thị xã và các phòng chức năng trực thuộc UBND huyện/thành phố/thị xã)

Căn cứ theo quyết định số: 1014/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, kính đề nghị các đơn vị được phát phiếu thống kê điền đầy đủ các thông tin (nếu có thuộc đơn vị quản lý).

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị: Phòng Tài nguyên và Môi trường
 2. Địa chỉ: 28 Trần Phú, Ba Đình, Bỉm Sơn
 3. Điện thoại/Fax/Email:
 4. Họ và tên người được phỏng vấn: Vũ Thị Ngọc Lan
 5. Chức vụ: Phó Trưởng phòng
 6. Ngày tháng năm:

II. Thông tin điều tra, khảo sát

1. Phát triển dân số

TT	Thông tin điều tra	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Dân số trung bình	nghìn người	58013	58246	58594	58606	-
	Dân số đô thị	nghìn người	49700	49802	49873	49926	-
	Dân số nông thôn	nghìn người	8313	8444	8721	8680	-
	Nam	nghìn người	28923	28978	29249	29253	-
	Nữ	nghìn người	29090	29268	29345	29353	-
2	Tỷ lệ dân số đô thị trên tổng dân số	%					
3	Mật độ dân số đô thị	người/km ²					
	Mật độ dân số nông thôn	người/km ²					
4	Tỷ lệ tăng trưởng dân số hàng năm	%					
5	Tuổi thọ trung bình hàng năm	tuổi					

2. Lao động và việc làm

TT	Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Số người ở độ tuổi lao động	nghìn người	34,3	33,4	33,5	34,6	35,1
2	Số người có việc làm	nghìn người	30,1	31,0	32,0	33,0	33,7
3	Số người chưa có việc làm	nghìn người	-	-	-	-	-

3. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

Năm	GDP tính theo giá hiện hành của Huyện/TP/TX (tỷ đồng)	Tỷ trọng các ngành (%)			Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm)
		Công nghiệp, xây dựng	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Dịch vụ	
2016					
2017					
2018					
2019					
4/2020					

4. Phát triển GRDP hàng năm

TT	Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	GRDP theo giá thực tế	tỷ đồng					
2	Tỷ lệ tăng trưởng GRDP	%					
3	Tỷ lệ tăng trưởng GRDP trên đầu người	%					

5. Phát triển y tế

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Số lượng bệnh viện, trạm xá, trung tâm y tế	BV, trạm xá, TT Y tế					
Tổng số lượng giường bệnh trên địa bàn huyện	Giường bệnh					
Tỷ lệ giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh					

6. Hoạt động xây dựng

Thông tin điều tra	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	4/2020
Diện tích nhà ở xây dựng mới ở đô thị (theo nhà nước và tư nhân)	nghìn m ²					
Diện tích nhà ở xây dựng mới ở nông thôn (theo nhà nước và tư nhân)	nghìn m ²					
Số km cầu, đường được xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo	km					

7. Hoạt động làng nghề

TT	Tên làng nghề	Năm công nhận	Tổng số hộ tham gia	Sản phẩm của làng nghề	Công suất của làng nghề (sản phẩm/năm)
1					

2					
3					
...					
	Tổng số				

8. Hoạt động lâm nghiệp

Hiện trạng rừng trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2019

TT	Các thông số	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Tổng diện tích rừng	Nghìn ha					
	Rừng tự nhiên	Nghìn ha					
	Rừng trồng	Nghìn ha					
2	Tỷ lệ che phủ rừng	%					
3	Trữ lượng rừng	m ³					
	Trữ lượng các loại gỗ	m ³					
	Trữ lượng các loại tre, vầu, nứa	m ³					
4	Tổng diện tích rừng trồng mới	Nghìn ha					
	Rừng phòng hộ	Nghìn ha					
	Rừng sản xuất	Nghìn ha					
	Rừng khoanh nuôi tái sinh	Nghìn ha					
5	Sản lượng gỗ được cấp phép khai thác hàng năm theo địa phương	m ³					
6	Diện tích rừng bị mất do cháy rừng, chuyển đổi mục đích và phá hoại	Nghìn ha					

9. Tổng lượng nước thải theo các lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Thải lượng nước thải phát sinh từ lĩnh vực công nghiệp	m ³ /ngày đêm					
Thải lượng nước thải phát sinh từ lĩnh vực nông nghiệp	m ³ /ngày đêm					
Thải lượng nước thải phát sinh từ lĩnh vực sinh hoạt	m ³ /ngày đêm					
Thải lượng nước thải phát sinh từ lĩnh vực dịch vụ	m ³ /ngày đêm					

10. Lượng chất thải rắn **thông thường** phát sinh theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	tấn					
Nông nghiệp	tấn					
Công nghiệp	tấn					
Y tế	tấn					
Phế liệu nhập khẩu	tấn					

11. Lượng chất thải **nguy hại** phát sinh hàng năm theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Công nghiệp	tấn					
Y tế	tấn					
Sinh hoạt	tấn					
Nông nghiệp	tấn					

12. Môi trường đất

Các thông tin, số liệu về diện tích đất phân theo mục đích sử dụng đất giai đoạn 2016 - 2020

TT	Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Đất sản xuất nông nghiệp	nghìn ha					
2	Đất lâm nghiệp	nghìn ha					
3	Đất ở	nghìn ha					
4	Đất chuyên dùng	nghìn ha					
5	Đất chưa sử dụng	nghìn ha					
	Tổng						

Các thông tin, số liệu về diện tích đất suy thoái theo các loại hình giai đoạn 2016 - 2020

TT	Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Sa mạc hóa	ha	0	-	-	0	-
2	Ô nhiễm đất	ha	0	-	-	0	-
3	Xói mòn	ha	0	-	-	0	-
4	Đá ong hóa	ha	0	-	-	0	-
5	Nhiễm mặn	ha	0	-	-	0	-
6	Nhiễm phèn	ha	0	-	-	0	-
	Tổng		0	-	-	0	-

13. Văn bản pháp luật trong quản lý môi trường

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Số lượng văn bản quy phạm pháp luật về môi trường đã ban hành	Văn bản QPPL	1	1	1	2	-
Số lượng và tên tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường được ban hành	Văn bản, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn	1	1	1	2	-
Các điều ước quốc tế về biển mà Việt Nam là thành viên	Điều ước	0	0	0	0	-

Ghi chú: Danh mục tên, số hiệu văn bản, số hiệu quy chuẩn, tiêu chuẩn

14. Công tác xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Số lượng Kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt hàng năm ở cấp địa phương	Kế hoạch					
Số lượng Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt	Đề án					

15. Công tác thanh tra, xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về BVMT

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Số vụ vi phạm môi trường bị phát hiện và xử phạt hàng năm	vụ					
Số tiền xử phạt từ các vụ vi phạm về môi trường	triệu đồng					

16. Khối lượng chất thải rắn thông thường được thu gom theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	tấn					
Nông nghiệp	tấn					
Công nghiệp	tấn					
Y tế	tấn					

17. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	%					
Nông nghiệp	%					
Công nghiệp	%					
Y tế	%					

18. Khối lượng chất thải rắn thông thường được xử lý đạt TCVN, QCVN theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	tấn					
Nông nghiệp	tấn					
Công nghiệp	tấn					
Y tế	tấn					

19. Tỷ lệ xử lý chất thải rắn thông thường đạt TCVN, QCVN theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	%					
Nông nghiệp	%					
Công nghiệp	%					
Y tế	%					

20. Khối lượng chất thải **nguy hại** được thu gom hàng năm theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	tấn					
Nông nghiệp	tấn					
Công nghiệp	tấn					
Y tế	tấn					

21. Khối lượng chất thải **nguy hại** được xử lý đạt TCVN, QCVN hàng năm theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	tấn					
Nông nghiệp	tấn					
Công nghiệp	tấn					
Y tế	tấn					

22. Tỷ lệ chất thải **nguy hại** được xử lý đạt TCVN, QCVN theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	%					
Nông nghiệp	%					
Công nghiệp	%					
Y tế	%					

23. Khối lượng chất thải rắn thông thường được tái chế theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	tấn					
Nông nghiệp	tấn					
Công nghiệp	tấn					
Y tế	tấn					

24. Tỷ lệ tái chế chất thải rắn được tái chế theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	%					
Nông nghiệp	%					
Công nghiệp	%					
Y tế	%					

25. Công tác thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện từ năm 2016 - 2020

TT	Năm	Đơn vị thu gom rác	Số nhân công (người)	Số xe chuyên dụng (xe)	Số xe chở rác (xe)	Số xe đẩy tay (xe)	Khối lượng (m^3 /ngày)
1	2016						
2	2017						

3	2018						
4	2019						
5	4/2020						

26. Sử dụng nước sạch

Tình hình sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường

Năm	Đô thị			Nông thôn		
	Tổng số hộ	Số hộ được sử dụng nước sạch	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ được sử dụng nước sạch	Tỷ lệ (%)
2016						
2017						
2018						
2019						
4/2020						

27. Thống kê số lượng công chức, viên chức đảm nhiệm công tác bảo vệ môi trường

TT	Đơn vị	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Cấp huyện	Người					
2	Cấp xã	Người					

28. Hoạt động bảo vệ môi trường được triển khai từ năm 2016 - 2020

TT	Tên hoạt động	Địa điểm	Thời gian	Hoạt động cụ thể	Kinh phí đầu tư
1					
2					
3					
4					

29. Hiện nay trên địa bàn huyện/thành phố/thị xã có cơ sở gây ô nhiễm/có dấu hiệu gây ô nhiễm môi trường thông qua công tác thanh kiểm tra hoặc thông tin phản ánh từ người dân không?

Có

Không

Nếu có, hãy cho biết thông tin cụ thể sau:

- Tên cơ sở:
- Địa chỉ:
- Loại chất thải phát sinh (rắn, lỏng, khí, tiếng ồn):
- Nguồn tiếp nhận (ghi chi tiết):

30. Hiện nay trên địa bàn huyện/thành phố/thị xã có khu vực nào bị ô nhiễm hoặc có dấu hiệu bị ô nhiễm không?

Có

Không

Nếu có, hãy cho biết thông tin cụ thể sau:

- Địa điểm khu vực bị ô nhiễm/có dấu hiệu bị ô nhiễm: *Xóm Trường Sơn, Phường Đông Khê, Thị xã Bình Sơn*
- Loại hình môi trường (đất, nước, không khí): *không khí và đất*
- Mô tả sơ bộ khu vực bị ô nhiễm/có dấu hiệu bị ô nhiễm: *Bùn chôn lấp rác thải tại bãi rác núi voi, phường Đông Sơn, Thị xã Bình Sơn bị ô nhiễm do quá tải nhiều năm nay, vẫn chưa được xử lý dứt điểm*

Thanh Hóa, ngày ... tháng năm 2020

Cán bộ được phỏng vấn/Cơ quan được phỏng vấn

(Ký tên, đóng dấu)



Vũ Thị Ngọc Lan

Người phỏng vấn

(Ký tên)

Hoàng Quý Nhân
Hoàng Quý Nhân



**PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN
CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG CƠ BẢN NĂM 2016 - 2020**

(Cơ quan phỏng vấn: Dành cho Công an huyện/thành phố/thị xã)

Nhiệm vụ: "Khảo sát, thu thập thông tin các chỉ tiêu môi trường cơ bản và xây dựng bộ chỉ thị môi trường tỉnh Thanh Hóa"

Căn cứ theo quyết định số: 4061/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và 4558/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, kính đề nghị các đơn vị được phát phiếu thống kê điền đầy đủ các thông tin (nếu có thuộc đơn vị quản lý), hoàn thành trước ngày

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị: Đội CSĐT tội phạm về kinh tế, ma túy và môi trường, Công an TX.Bim Sơn
2. Địa chỉ: đường Trần Phú, khu phố 3, P.Ba Đình, TX.Bim Sơn
3. Điện thoại/Fax/Email:.....
4. Họ và tên người được phỏng vấn: Trần Khắc Ngân
5. Chức vụ: Đội trưởng

II. Thông tin điều tra, khảo sát

Công tác xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Số vụ vi phạm môi trường bị phát hiện và xử phạt hàng năm	vụ	9	4	11	12	3
Số tiền xử phạt từ các vụ vi phạm về môi trường	triệu đồng	90	61	32	96	17

Thanh Hóa, ngày ... tháng năm 2020

Cán bộ được phỏng vấn/Cơ quan được phỏng vấn

(Ký tên, đóng dấu)

Người phỏng vấn

(Ký tên)

Trần Khắc Ngân



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thanh Hoa Environment and Natural Resources Department
Địa chỉ: 14 Hạc Thành, P Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 02376.256.168; Fax: 02376.256.157

**PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN
CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG CƠ BẢN NĂM 2016 - 2020**

(Cơ quan phỏng vấn: Dành cho Phòng Quản lý đô thị huyện/thành phố/thị xã)

Nhiệm vụ: “Khảo sát, thu thập thông tin các chỉ tiêu môi trường cơ bản và xây dựng bộ chỉ thị môi trường tỉnh Thanh Hóa”

Căn cứ theo quyết định số: 4061/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và 4558/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, kính đề nghị các đơn vị được phát phiếu thống kê điền đầy đủ các thông tin (nếu có thuộc đơn vị quản lý), hoàn thành trước ngày

I. Thông tin chung

- Tên đơn vị: Phòng Quản lý đô thị
- Địa chỉ; 28 Trần Phú, Ba Đình, Bim Sơn
- Điện thoại/Fax/Email:.....
- Họ và tên người được phỏng vấn; Trần Xuân Việt
- Chức vụ: Trưởng phòng

II. Thông tin điều tra, khảo sát

1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

Năm	GDP tính theo giá hiện hành của Huyện/TP/TX (tỷ đồng)	Tỷ trọng các ngành (%)			Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm)
		Công nghiệp, xây dựng	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Dịch vụ	
2016	-	-	-	-	-
2017	-	-	-	-	-
2018	-	-	-	-	-
2019	-	-	-	-	-
4/2020	-	-	-	-	-

2. Phát triển GRDP hàng năm

TT	Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	GRDP theo giá thực tế	tỷ đồng	-	-	-	-	-
2	Tỷ lệ tăng trưởng GRDP	%	-	-	-	-	-
3	Tỷ lệ tăng trưởng GRDP trên đầu người	%	-	-	-	-	-

3. Vốn đầu tư trên địa bàn theo giá hiện hành

Năm	Vốn đầu tư trên địa bàn theo giá hiện hành (đồng)			Kim ngạch xuất khẩu (USD)
	Vốn kinh tế nhà nước	Vốn ngoài nhà nước	Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài	
2016	-	-	-	-
2017	-	-	-	-
2018	-	-	-	-
2019	-	-	-	-
4/2020	-	-	-	-

4. Hoạt động xây dựng

Thông tin điều tra	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	4/2020
--------------------	-------------	------	------	------	------	--------



Diện tích nhà ở xây dựng mới ở đô thị (theo nhà nước và tư nhân)	nghìn m ²	-	-	-	-	-
Diện tích nhà ở xây dựng mới ở nông thôn (theo nhà nước và tư nhân)	nghìn m ²	-	-	-	-	-
Số km cầu, đường được xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo	km	-	-	-	-	-
Diện tích cây xanh trên đầu người dân đô thị	m ² /người	-	-	-	-	-
Số lượng cảng, bến tàu thủy	cảng, bến tàu	-	-	-	-	-

5. Hoạt động làng nghề

TT	Tên làng nghề	Năm công nhận	Tổng số hộ tham gia	Sản phẩm của làng nghề	Công suất của làng nghề (sản phẩm/năm)
1	-	-	-	-	-
2	-	-	-	-	-
3	-	-	-	-	-
...	-	-	-	-	-
Tổng số					

6. Phát triển công nghiệp

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Số lượng KCN, CCN được thành lập	KCN, CCN	-	-	-	-	-
Diện tích các KCN, CCN		-	-	-	-	-
Tỷ lệ lấp đầy KCN/CCN	%	-	-	-	-	-
Số cơ sở sản xuất công nghiệp theo ngành sản xuất	cơ sở	-	-	-	-	-
Sản lượng dầu được khai thác trên biển	nghìn tấn	-	-	-	-	-
Sản lượng than được khai thác	nghìn tấn	-	-	-	-	-

7. Các chương trình bảo vệ môi trường được triển khai thực hiện trên địa bàn trong giai đoạn từ 2016 - 2020

STT	Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện
1	-	-
2	-	-
3	-	-
...	-	-

Thanh Hóa, ngày ... tháng năm 2020

Cán bộ được phỏng vấn/Cơ quan được phỏng vấn
(Ký tên, đóng dấu)

Người phỏng vấn
(Ký tên)



Trần Xuân Việt



PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN
CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG CƠ BẢN NĂM 2016 - 2020

(Cơ quan phỏng vấn: Dành cho Phòng Lao động, TB&XH huyện/thành phố/thị xã)

Nhiệm vụ: “Khảo sát, thu thập thông tin các chỉ tiêu môi trường cơ bản và xây dựng bộ chỉ thị môi trường tỉnh Thanh Hóa”

Căn cứ theo quyết định số: 4061/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và 4558/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, kính đề nghị các đơn vị được phát phiếu thống kê điền đầy đủ các thông tin (nếu có thuộc đơn vị quản lý), hoàn thành trước ngày

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị: Phòng Lao động
 2. Địa chỉ: 28 Trần Phú - Ba Đình - Bỉm Sơn, Thanh Hóa
 3. Điện thoại/Fax/Email:
 4. Họ và tên người được phỏng vấn: Hoàng Thị Huệ
 5. Chức vụ: Trưởng phòng
 6. Chức vụ:

II. Thông tin điều tra, khảo sát

1. Lao động và việc làm

TT	Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Số người ở độ tuổi lao động	nghìn người	31,3	32,4	33,5	34,6	35,1
2	Số người có việc làm	nghìn người	30,1	31,0	32	33,0	33,7
3	Số người chưa có việc làm	nghìn người	-	-	-	-	-

2. Số lượng người mắc bệnh nghề nghiệp liên quan đến ô nhiễm môi trường tại các khu vực sản xuất

TT	Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Số lượng người mắc bệnh nghề nghiệp liên quan đến ô nhiễm môi trường đất	người	-	-	-	-	-
2	Số lượng người mắc bệnh nghề nghiệp liên quan đến ô nhiễm môi trường nước	người	-	-	-	-	-
3	Số lượng người mắc bệnh nghề nghiệp liên quan đến ô nhiễm môi trường không khí	người	-	-	-	-	-
4	Số lượng người mắc bệnh nghề nghiệp liên quan đến ô nhiễm tiếng ồn	người	-	-	-	-	-

Thanh Hóa, ngày ... tháng năm 2020

Cán bộ được phỏng vấn/Cơ quan được phỏng vấn

(Ký tên, đóng dấu)



Hoàng Thị Huệ

Người phỏng vấn

(Ký tên)



**PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN
CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG CƠ BẢN NĂM 2016 - 2020**

(Cơ quan phỏng vấn: Dành cho Phòng Văn hóa - Thông tin huyện/thành phố/thị xã)

Nhiệm vụ: “Khảo sát, thu thập thông tin các chỉ tiêu môi trường cơ bản và xây dựng bộ chỉ thị môi trường tỉnh Thanh Hóa”

Căn cứ theo quyết định số: 4061/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và 4558/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, kính đề nghị các đơn vị được phát phiếu thống kê điền đầy đủ các thông tin (nếu có thuộc đơn vị quản lý), hoàn thành trước ngày

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị: Phòng Văn hóa – Thông tin, UBND thị xã Bỉm Sơn
2. Địa chỉ: số 28, đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa
3. Điện thoại/Fax/Email:.....
4. Họ và tên người được phỏng vấn: Lý Minh Quang
5. Chức vụ: Trưởng Phòng

II. Thông tin điều tra, khảo sát

Các Hoạt động thông tin, tuyên truyền về bảo vệ môi trường được triển khai từ năm 2016 - 2020

TT	Tên hoạt động	Địa điểm	Thời gian	Hoạt động cụ thể	Kinh phí đầu tư
1	Tuyên truyền trực quan	Tại tuyến Quốc lộ 1A, Trần Phú, Nguyễn Văn Cừ, Lê Lợi	Chủ yếu gắn với các ngày kỷ niệm: Ngày Đất ngập nước, Ngày Đa dạng sinh học, Ngày Môi trường Thế giới; Giờ Trái Đất; Tháng hành động vì môi trường	Treo băng rôn, khẩu hiệu, tờ rơi	60 triệu
2	Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh	Hệ thống loa truyền thanh Thị xã và các phường, xã; Công thông tin Điện tử Thị xã và các Phường, xã	Thường xuyên trong cả năm	Xây dựng chuyên mục, viết tin, bài, Phóng sự, Hỏi – đáp; Gương tập thể, cá nhân	10 triệu

Thanh Hóa, ngày ... tháng năm 2020

Cán bộ được phỏng vấn/Cơ quan được phỏng vấn
(Ký tên, đóng dấu)

Người phỏng vấn
(Ký tên)



Lý Minh Quang



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thanh Hoa Environment and Natural Resources Department
Địa chỉ: 14 Hạc Thành, P Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 02376.256.168; Fax: 02376.256.157

**PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN
CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG CƠ BẢN NĂM 2016 - 2020**

(Cơ quan phỏng vấn: Dành cho Thanh tra huyện/thành phố/thị xã)

Nhiệm vụ: “Khảo sát, thu thập thông tin các chỉ tiêu môi trường cơ bản và xây dựng bộ chỉ thị môi trường tỉnh Thanh Hóa”

Căn cứ theo quyết định số: 4061/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và 4558/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, kính đề nghị các đơn vị được phát phiếu thống kê điền đầy đủ các thông tin (nếu có thuộc đơn vị quản lý), hoàn thành trước ngày

I. Thông tin chung

- Tên đơn vị: Thanh tra Thị xã
- Địa chỉ: 28 Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa
- Điện thoại/Fax/Email:.....
- Họ và tên người được phỏng vấn: Lê Văn Thường
- Chức vụ: Chánh Thanh tra

II. Thông tin điều tra, khảo sát

1. Công tác thanh tra, xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về BVMT

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Số vụ vi phạm môi trường bị phát hiện và xử phạt hàng năm	Vụ	- 0	- 0	- 0	- 0	- 0
Số tiền xử phạt từ các vụ vi phạm về môi trường	triệu đồng	- 0	- 0	- 0	- 0	- 0

2. Xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Số cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xác định tại Quyết định 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	cơ sở	-	-	-	-	-
Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt	cơ sở	-	-	-	-	-
Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để	%	-	-	-	-	-

Thanh Hóa, ngày ... tháng năm 2020

Cán bộ được phỏng vấn/Cơ quan được phỏng vấn

(Ký tên, đóng dấu)



Người phỏng vấn

(Ký tên)



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thanh Hoa Environment and Natural Resources Department

Địa chỉ: 14 Hạc Thành, P Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 02376.256.168; Fax: 02376.256.157

**PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN
CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG CƠ BẢN NĂM 2016 - 2020**

(Cơ quan phỏng vấn: Dành cho Phòng Tài chính huyện/thành phố/thị xã)

Nhiệm vụ: “Khảo sát, thu thập thông tin các chỉ tiêu môi trường cơ bản và xây dựng bộ chỉ thị môi trường tỉnh Thanh Hóa”

Căn cứ theo quyết định số: 4061/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và 4558/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, kính đề nghị các đơn vị được phát phiếu thống kê điền đầy đủ các thông tin (nếu có thuộc đơn vị quản lý), hoàn thành trước ngày

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị: Phòng Tài chính Kế hoạch
2. Địa chỉ: 28 Trần Phú - Ba Đình - Bỉm Sơn - Thanh Hoá
3. Điện thoại/Fax/Email:
4. Họ và tên người được phỏng vấn: Lại Thị Chính
5. Chức vụ: Phó Trưởng phòng

II. Thông tin điều tra, khảo sát

1. Đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Chi ngân sách hàng năm cho hoạt động bảo vệ môi trường	triệu đồng/năm	13.304	11.094	14.073	14848	6.000

2. Thu phí bảo vệ môi trường

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã thu được	triệu đồng	-	-	-	-	-
Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn đã thu được hàng năm	triệu đồng	-	-	-	-	-
Số cơ sở đã thu phí bảo vệ môi trường	cơ sở	-	-	-	-	-
Tỷ lệ cơ sở đã bị thu phí trên tổng số cơ sở vi phạm về môi trường đã bị phát hiện	%	-	-	-	-	-
Số tiền xử phạt từ các vụ vi phạm về môi trường	triệu đồng	01	-	-	45	-

Thanh Hóa, ngày ... tháng năm 2020

Cán bộ được phỏng vấn/Cơ quan được phỏng vấn

(Ký tên, đóng dấu)



Lại Thị Chính

Người phỏng vấn

(Ký tên)



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thanh Hoa Environment and Natural Resources Department
Địa chỉ: 14 Học Thành, P Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 02376.256.168; Fax: 02376.256.157

**PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN
CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG CƠ BẢN NĂM 2016 - 2020**

(Cơ quan phỏng vấn: Dành cho Phòng Y tế huyện/thành phố/thị xã)

Nhiệm vụ: “Khảo sát, thu thập thông tin các chỉ tiêu môi trường cơ bản và xây dựng bộ chỉ thị môi trường tỉnh Thanh Hóa”

Căn cứ theo quyết định số: 4061/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và 4558/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, kính đề nghị các đơn vị được phát phiếu thống kê điền đầy đủ các thông tin (nếu có thuộc đơn vị quản lý), hoàn thành trước ngày

I. Thông tin chung

- Tên đơn vị: Phòng Y tế
- Địa chỉ: 28 Trần Phú, Ba Đình, Bim Sơn, Thanh Hóa
- Điện thoại/Fax/Email:.....
- Họ và tên người được phỏng vấn: Nguyễn Văn Phương
- Chức vụ: Trưởng phòng

II. Thông tin điều tra, khảo sát

1. Phát triển dân số

TT	Thông tin điều tra	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Dân số trung bình	ngàn người	-	-	-	-	-
	Dân số đô thị	ngàn người	-	-	-	-	-
	Dân số nông thôn	ngàn người	-	-	-	-	-
	Nam	ngàn người	-	-	-	-	-
	Nữ	ngàn người	-	-	-	-	-
2	Tỷ lệ dân số đô thị trên tổng dân số	%	-	-	-	-	-
3	Mật độ dân số đô thị	người/km ²	-	-	-	-	-
	Mật độ dân số nông thôn	người/km ²	-	-	-	-	-
4	Tỷ lệ tăng trưởng dân số hàng năm	%	-	-	-	-	-
5	Tuổi thọ trung bình hàng năm	tuổi	-	-	-	-	-

2. Phát triển y tế

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Số lượng bệnh viện	BV					
Số lượng trạm xá	Trạm xá	8	8	8	8	7
Số lượng trung tâm y tế	TT Y Tế	1	1	1	1	1
Tổng số lượng giường bệnh trên địa bàn huyện	Giường bệnh	150	190	190	240	240
Tỷ lệ giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh	25,2	31,6	39,8	39,4	40,5

3. Phát sinh và thu gom chất thải y tế

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Lượng chất thải y tế phát sinh hàng năm	tấn	—	—	—	—	—
Lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh hàng năm	tấn	—	—	—	—	—
Lượng chất thải y tế được thu gom, xử lý hàng năm	Tấn	—	—	—	—	—
Tỷ lệ thu gom chất thải rắn	%	—	—	—	—	—
Tỷ lệ xử lý chất thải rắn đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	%	—	—	—	—	—
Lượng chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý hàng năm	tấn	—	—	—	—	—
Tỷ lệ chất thải nguy hại đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	%	—	—	—	—	—

4. Tỷ lệ người mắc bệnh trên tổng số người dân tại khu vực bị ô nhiễm và không bị ô nhiễm

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Tỷ lệ người bị bệnh đường hô hấp ở khu vực bị ô nhiễm và khu vực đối chứng (không bị ô nhiễm không khí)	%	—	—	—	—	—
Tỷ lệ mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, sốt rét ở các khu vực bị ô nhiễm nước và khu vực đối chứng	%	—	—	—	—	—
Lượng chất thải y tế được thu gom, xử lý hàng năm	Tấn	—	—	—	—	—
Số lượng người mắc bệnh nghề nghiệp liên quan đến ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí, tiếng ồn) tại các khu vực sản xuất	%	—	—	—	—	—

Thanh Hóa, ngày ... tháng năm 2020

Cán bộ được phỏng vấn/Cơ quan được phỏng vấn
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Người phỏng vấn
(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Thuý



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thanh Hoa Environment and Natural Resources Department

Địa chỉ: 14 Lạc Thành, P Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 02376.256.168; Fax: 02376.256.157

**PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN
CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG CƠ BẢN NĂM 2016 - 2020**

(Cơ quan phỏng vấn: Dành cho Phòng Kinh Tế huyện/thành phố/thị xã)

Nhiệm vụ: “Khảo sát, thu thập thông tin các chỉ tiêu môi trường cơ bản và xây dựng bộ chỉ thị môi trường tỉnh Thanh Hóa”

Căn cứ theo quyết định số: 4061/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và 4558/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, kính đề nghị các đơn vị được phát phiếu thống kê điền đầy đủ các thông tin (nếu có thuộc đơn vị quản lý), hoàn thành trước ngày (Thay P. Nông nghiệp)
đã nộp

I. Thông tin chung

- Tên đơn vị: Phòng Kinh Tế - UBND Thị xã Bùn Sủ
- Địa chỉ: 28 - Trần Phú - Ba Đình - Thị xã Bùn Sủ
- Điện thoại/Fax/Email: 02373.824939
- Họ và tên người được phỏng vấn: Dương Thị Hương
- Chức vụ: Văn thư - Phòng Kinh Tế

II. Thông tin điều tra, khảo sát

1. Phát triển nông nghiệp

Các thông tin, số liệu về ngành trồng trọt giai đoạn 2016 - 2020

Năm	Lúa		Ngô		Cây công nghiệp lâu năm		Cây ăn quả lâu năm	
	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
2016	1.194,3	6.652	84	371	121		629,7	2.763
2017	1.153	6.606	98	401	95		711	3.086
2018	940	4.869	85	358,7	27		665,9	2.952
2019	900	5.220	80	328	27		682	3.006
4/2020	450	2.655	80	328	19		638	2.746

Các thông tin, số liệu về ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm giai đoạn 2016 - 2020

Năm	Trâu		Bò		Lợn		Gia cầm		Tổng	
	Số lượng (nghìn con)	Sản lượng (tấn)	Số lượng (nghìn con)	Sản lượng (tấn)	Số lượng (nghìn con)	Sản lượng (tấn)	Số lượng (nghìn con)	Sản lượng (tấn)	Số lượng (nghìn con)	Sản lượng (tấn)
2016	0,45	0,585	1,352	1,8252	8,5	7,225	165	2,97	175,3	12,6052
2017	0,45	0,585	1,645	2,2208	11,96	10,166	202	3,636	216,06	16,6078
2018	0,47	0,611	1,6	2,16	10,5	8,925	210	3,78	222,57	15,476
2019	0,5	0,65	1,6	2,16	14	11,9	215	3,87	231,1	18,58
Thg4-20	0,5	0,65	1,6	2,16	7,5	6,375	215	3,87	224,6	13,055

Thông tin, số liệu về trang trại chăn nuôi tập trung

Năm	Số lượng (trang trại)	Diện tích (ha)	Loại gia súc, gia cầm	Quy mô (nghìn con/năm)
2016	43	269,19	Trâu, bò, lợn, gà, vịt	163,5
2017	47	275,4	Trâu, bò, lợn, gà, vịt	215,7
2018	55	277,7	Trâu, bò, lợn, gà, vịt	218,6
2019	61	315,3	Trâu, bò, lợn, gà, vịt	225,8
4/2020	61	315,3	Trâu, bò, lợn, gà, vịt	225,8

Thông tin, số liệu về phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật

Năm	Phân hóa học (tấn)	Hóa chất bảo vệ thực vật (tấn)
2016	670	3
2017	625	2,3
2018	579	1,7
2019	550	1,2
4/2020	250	0,4

2. Phát triển ngành thủy hải sản

Các thông tin, số liệu về ngành thủy hải sản giai đoạn 2016 - 2020

TT	Thông tin điều tra	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Số lượng cơ sở nuôi trồng thủy, hải sản	cơ sở	03	05	07	07	07
2	Tổng diện tích nuôi trồng thủy, hải sản	ha	115	120	125	135	135
3	Sản lượng nuôi trồng thủy hải sản	triệu tấn	0	0	0	0	0
4	Số lượng cơ sở chế biến thủy hải sản	cơ sở	0	0	0	0	0
5	Sản lượng đánh bắt thủy hải sản	triệu tấn	0	0	0	0	0

3. Hoạt động lâm nghiệp

Hiện trạng rừng trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2019

TT	Các thông số	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Tổng diện tích rừng	Ha	1025	995	900	850	850
	Rừng tự nhiên	Nghìn ha					
	Rừng trồng	Ha	1025	995	900	850	850
2	Tỷ lệ che phủ rừng	%	18	18,2	18,3	18,5	18,5
3	Trữ lượng rừng	m ³					
	Trữ lượng các loại gỗ	m ³	4.785	6.786	5.775	5.441	5.000
	Trữ lượng các loại tre, vầu, nứa	m ³					

4	Tổng diện tích rừng trồng mới	Nghìn ha					
	Rừng phòng hộ	Nghìn ha					
	Rừng sản xuất	Ha	35	30	50	30	35
	Rừng khoanh nuôi tái sinh	Nghìn ha					
5	Sản lượng gỗ được cấp phép khai thác hàng năm theo địa phương	m ³	550	635	470	580	450
6	Diện tích rừng bị mất do cháy rừng, chuyển đổi mục đích và phá hoại	Nghìn ha	0	0	0	0	0

4. Tai biến thiên nhiên

Tình hình tai biến thiên nhiên trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2019

TT	Các thông số	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Số lượng các vụ tai biến thiên nhiên hàng năm (Bão, lũ lụt, lũ quét, hạn hán, giông lốc...)	vụ		01			
2	Thiệt hại từ các vụ thiên tai:						
	Thiệt hại về người	người	0	0	0	0	0
	Thiệt hại về kinh tế	tỷ đồng	0	50	0	3	0
	Thiệt hại về môi trường	mức độ ô nhiễm được xác định					

5. Phát sinh, thu gom và xử lý chất thải nông nghiệp

Tình hình phát sinh chất thải thông thường từ hoạt động trồng trọt

Năm	Nước thải		Chất thải rắn		
	Lượng phát sinh (m ³)	Lượng được thu gom xử lý (m ³)	Lượng phát sinh (tấn)	Khối lượng được thu gom xử lý (tấn)	Khối lượng được tái chế (tấn)
2016					
2017					
2018					
2019					
4/2020					

Tình hình phát sinh chất thải thông thường từ hoạt động chăn nuôi - thủy sản

Năm	Nước thải		Chất thải rắn		
	Lượng phát sinh (m ³)	Lượng được thu gom xử lý (m ³)	Lượng phát sinh (tấn)	Khối lượng được thu gom xử lý (tấn)	Khối lượng được thu gom xử lý (tấn)
2016					
2017					
2018					
2019					
4/2020					

Tình hình phát sinh chất thải nguy hại từ hoạt động nông nghiệp

Nội dung điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Tổng lượng chất thải nguy hại phát	Tấn					
Khối lượng chất thải nguy hại được xử lý	Tấn					
Tỷ lệ chất thải nguy hại đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	%					

6. Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng

Nội dung điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Số người mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, sốt rét ở các khu vực bị ô nhiễm nước	Người	0	0	0	0	0
Số người mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, sốt rét ở các khu vực không bị ô nhiễm nước	Người	0	0	0	0	0
Tỷ lệ mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, sốt rét ở các khu vực bị ô nhiễm nước và khu vực đối chứng	%	0	0	0	0	0

7. Sử dụng nước sạch

Tình hình sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường

Năm	Đô thị			Nông thôn		
	Tổng số hộ	Số hộ được sử dụng nước sạch	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ được sử dụng nước sạch	Tỷ lệ (%)
2016			85,5			83,8
2017			88,7			85,8
2018			92,4			88,1
2019			96,3			91,3
4/2020			-			-

Thanh Hóa, ngày ... tháng năm 2020

Cán bộ được phỏng vấn/Cơ quan được phỏng vấn *pho*
(Ký tên, đóng dấu)

Người phỏng vấn
(Ký tên)



Trình thế Nam



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thanh Hoa Environment and Natural Resources Department
Địa chỉ: 14 Hạc Thành, P Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 02376.256.168; Fax: 02376.256.157

**PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN
CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG CƠ BẢN NĂM 2016 - 2020**

(Cơ quan phỏng vấn: Dành cho Chi cục Thống kê huyện/thành phố/thị xã)

Nhiệm vụ: “Khảo sát, thu thập thông tin các chỉ tiêu môi trường cơ bản và xây dựng bộ chỉ thị môi trường tỉnh Thanh Hóa”

Căn cứ theo quyết định số: 4061/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và 4558/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, kính đề nghị các đơn vị được phát phiếu thống kê điền đầy đủ các thông tin (nếu có thuộc đơn vị quản lý), hoàn thành trước ngày

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị: *Chi cục Thống kê*
2. Địa chỉ: *28 Trần Phú - Ba Đình - Bỉm Sơn*
3. Điện thoại/Fax/Email:
4. Họ và tên người được phỏng vấn: *Lê Thành Chung*
5. Chức vụ: *Chi cục Trưởng*

II. Thông tin điều tra, khảo sát

1. Phát triển dân số

TT	Thông tin điều tra	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Dân số trung bình	ngàn người	58013	58246	58594	58606	
	Dân số đô thị	ngàn người	49700	49802	49873	49926	
	Dân số nông thôn	ngàn người	8313	8444	8721	8680	
	Nam	ngàn người	28923	28978	29249	29253	
	Nữ	ngàn người	29090	29268	29345	29353	
2	Tỷ lệ dân số đô thị trên tổng dân số	%	-	-	-	-	
3	Tổng diện tích đất đô thị	km ²	-	-	-	-	
	Tổng diện tích đất nông thôn	km ²	-	-	-	-	
	Mật độ dân số đô thị	người/km ²	-	-	-	-	
	Mật độ dân số nông thôn	người/km ²	-	-	-	-	
4	Tỷ lệ tăng trưởng dân số hàng năm	%	-	-	-	-	
5	Tuổi thọ trung bình hàng năm	tuổi	-	-	-	-	

2. Lao động và việc làm

TT	Thông tin điều tra	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Số người ở độ tuổi lao động	ngàn người	49,7	49,8	49,8	49,9	49,9
2	Số người có việc làm	ngàn người	-	-	-	-	-
3	Số người chưa có việc làm	ngàn người	-	-	-	-	-

3. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

Năm	GDP tính theo giá hiện hành của Huyện/TP/TX (tỷ đồng)	Tỷ trọng các ngành (%)			Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm)
		Công nghiệp, xây dựng	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Dịch vụ	
2016	-	-	-	-	56
2017	-	-	-	-	63
2018	-	-	-	-	70
2019	-	-	-	-	75
4/2020	-	-	-	-	80,1

4. Phát triển GRDP hàng năm

TT	Thông tin điều tra	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	GRDP theo giá thực tế	tỷ đồng					
2	Tỷ lệ tăng trưởng GRDP	%					
3	Tỷ lệ tăng trưởng GRDP trên đầu người	%					

5. Giá trị sản xuất các ngành giai đoạn 2016 - 2020

Các ngành	Giá trị sản xuất các ngành (đồng)				
	2016	2017	2018	2019	4/2020
Ngành xây dựng					
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước					
Trong nhà nước					
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài					
Phân theo loại công trình					
Công trình nhà ở					
Công trình nhà không ở					
Công trình kỹ thuật dân dụng					
Công trình xây dựng chuyên dụng					
Tổng số					
Ngành nông nghiệp					
Phân theo ngành kinh tế					
Trồng trọt					
Chăn nuôi					
Dịch vụ và các hoạt động khác					
Tổng số					
Ngành lâm nghiệp					
Phân theo ngành hoạt động					
Trồng và chăm sóc rừng					
Khai thác gỗ và lâm sản khác					

HỘI CH
CHI C
HÔNG
THỊ X
BIM S
VỤ KẾ T

Thu nhật sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác					
Dịch vụ lâm nghiệp					
Tổng số					
Ngành thủy sản					
Phân theo ngành hoạt động					
Khai thác					
Nuôi trồng					
Tổng số					
Ngành giao thông vận tải					
Phân theo loại hình vận tải					
Đường bộ					
Đường thủy					
Đường sắt					
Tổng số					
Ngành công nghiệp					
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước					
Trung ương					
Đại phương					
Ngoài nhà nước					
Tập thể					
Tư nhân					
Cá thể					
Đầu tư nước ngoài					
Phân theo ngành công nghiệp					
Công nghiệp khai khoáng					
Công nghiệp chế biến, chế tạo					
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng					
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải					
Tổng số					

Thanh Hóa, ngày ... tháng năm 2020

Cán bộ được phỏng vấn/Cơ quan được phỏng vấn

(Ký tên, đóng dấu)



Lê Thành Chung

Người phỏng vấn

(Ký tên)

Hoàng Quý Nhân

Hoàng Quý Nhân



**PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN
CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG CƠ BẢN NĂM 2016 - 2020**

(Cơ quan phỏng vấn: Dành cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thành phố/thị xã)

Nhiệm vụ: “Khảo sát, thu thập thông tin các chỉ tiêu môi trường cơ bản và xây dựng bộ chỉ thị môi trường tỉnh Thanh Hóa”

Căn cứ theo quyết định số: 4061/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và 4558/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, kính đề nghị các đơn vị được phát phiếu thống kê điền đầy đủ các thông tin (nếu có thuộc đơn vị quản lý), hoàn thành trước ngày

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị: Phòng Tài nguyên và Môi trường
2. Địa chỉ: 28 Trần Phú, Ba Đình, Bim Sơn, Thanh Hóa
3. Điện thoại/Fax/Email:
4. Họ và tên người được phỏng vấn: Vũ Thị Ngọc Lan
5. Chức vụ: Phó Trưởng phòng

II. Thông tin điều tra, khảo sát

1. Tổng lượng nước thải theo các lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Thải lượng nước thải phát sinh từ lĩnh vực công nghiệp	m ³ /ngày đêm	-	-	-	-	-
Thải lượng nước thải phát sinh từ lĩnh vực nông nghiệp	m ³ /ngày đêm	-	-	-	-	-
Thải lượng nước thải phát sinh từ lĩnh vực sinh hoạt	m ³ /ngày đêm	-	-	-	-	-
Thải lượng nước thải phát sinh từ lĩnh vực dịch vụ	m ³ /ngày đêm	-	-	-	-	-

2. Lượng chất thải rắn thông thường phát sinh theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	tấn	-	-	-	-	-
Nông nghiệp	tấn	-	-	-	-	-
Công nghiệp	tấn	-	-	-	-	-
Y tế	tấn	-	-	-	-	-
Phế liệu nhập khẩu	tấn	-	-	-	-	-

3. Lượng chất thải nguy hại phát sinh hàng năm theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Công nghiệp	tấn	-	-	-	-	-



Y tế	tấn	-	-	-	-	-
Sinh hoạt	tấn	-	-	-	-	-
Nông nghiệp	tấn	-	-	-	-	-

4. Môi trường đất

Các thông tin, số liệu về diện tích đất phân theo mục đích sử dụng đất giai đoạn 2016 - 2020

TT	Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Đất sản xuất nông nghiệp	nghìn ha	-	-	-	-	3,051
2	Đất lâm nghiệp	nghìn ha	-	-	-	-	1,176
3	Đất ở	nghìn ha	-	-	-	-	0,530
4	Đất chuyên dùng	nghìn ha	-	-	-	-	0,069
5	Đất chưa sử dụng	nghìn ha	-	-	-	-	0,646
	Tổng						

Các thông tin, số liệu về diện tích đất suy thoái theo các loại hình giai đoạn 2016 - 2020

TT	Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
1	Sa mạc hóa	ha	-	-	-	-	-
2	Ô nhiễm đất	ha	-	-	-	-	-
3	Xói mòn	ha	-	-	-	-	-
4	Đá ong hóa	ha	-	-	-	-	-
5	Nhiễm mặn	ha	-	-	-	-	-
6	Nhiễm phèn	ha	-	-	-	-	-
	Tổng						

5. Văn bản pháp luật trong quản lý môi trường

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Số lượng văn bản quy phạm pháp luật về môi trường đã ban hành	Văn bản QPPL	-	-	-	-	-
Số lượng và tên tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường được ban hành	Văn bản, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn	-	-	-	-	-

Ghi chú: Danh mục tên, số hiệu văn bản, số hiệu quy chuẩn, tiêu chuẩn

6. Công tác xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Số lượng Kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt hàng năm ở cấp địa phương	Kế hoạch	12	8	9	21	02

Số lượng Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt	Đề án					
--	-------	--	--	--	--	--

7. Công tác thanh tra, xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về BVMT

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Số vụ vi phạm môi trường bị phát hiện và xử phạt hàng năm	vụ	01	-	-	03	-
Số tiền xử phạt từ các vụ vi phạm về môi trường	triệu đồng	1	-	-	45	-

8. Khối lượng chất thải rắn thông thường được thu gom theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	tấn	-	-	-	-	-
Nông nghiệp	tấn	-	-	-	-	-
Công nghiệp	tấn	-	-	-	-	-
Y tế	tấn	-	-	-	-	-

9. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	%	-	-	-	-	-
Nông nghiệp	%	-	-	-	-	-
Công nghiệp	%	-	-	-	-	-
Y tế	%	-	-	-	-	-

10. Khối lượng chất thải rắn thông thường được xử lý đạt TCVN, QCVN theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	tấn	-	-	-	-	-
Nông nghiệp	tấn	-	-	-	-	-
Công nghiệp	tấn	-	-	-	-	-
Y tế	tấn	-	-	-	-	-

11. Tỷ lệ xử lý chất thải rắn thông thường đạt TCVN, QCVN theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	%	-	-	-	-	-
Nông nghiệp	%	-	-	-	-	-
Công nghiệp	%	-	-	-	-	-
Y tế	%	-	-	-	-	-

12. Khối lượng chất thải nguy hại được thu gom hàng năm theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	tấn	-	-	-	-	-
Nông nghiệp	tấn	-	-	-	-	-
Công nghiệp	tấn	-	-	-	-	-
Y tế	tấn	-	-	-	-	-

13. Khối lượng chất thải nguy hại được xử lý đạt TCVN, QCVN hàng năm theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	tấn	-	-	-	-	-
Nông nghiệp	tấn	-	-	-	-	-
Công nghiệp	tấn	-	-	-	-	-
Y tế	tấn	-	-	-	-	-

14. Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt TCVN, QCVN theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	%	-	-	-	-	-
Nông nghiệp	%	-	-	-	-	-
Công nghiệp	%	-	-	-	-	-
Y tế	%	-	-	-	-	-

15. Khối lượng chất thải rắn thông thường được tái chế theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	tấn	-	-	-	-	-
Nông nghiệp	tấn	-	-	-	-	-
Công nghiệp	tấn	-	-	-	-	-
Y tế	tấn	-	-	-	-	-

16. Tỷ lệ tái chế chất thải rắn được tái chế theo lĩnh vực

Thông tin điều tra	ĐVT	2016	2017	2018	2019	4/2020
Sinh hoạt	%	-	-	-	-	-
Nông nghiệp	%	-	-	-	-	-
Công nghiệp	%	-	-	-	-	-
Y tế	%	-	-	-	-	-

17. Sử dụng nước sạch

Tình hình sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường

Năm	Đô thị			Nông thôn		
	Tổng số hộ	Số hộ được sử dụng nước sạch	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ được sử dụng nước sạch	Tỷ lệ (%)
2016	-	-	-	-	-	-
2017	-	-	-	-	-	-
2018	-	-	-	-	-	-
2019	-	-	-	-	-	-
4/2020	-	-	-	-	-	-

Thanh Hóa, ngày ... tháng năm 2020

Cán bộ được phỏng vấn/Cơ quan được phỏng vấn
(Ký tên, đóng dấu)

Người phỏng vấn
(Ký tên)



Vũ Thị Ngọc Lan

